

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 04/2018/HS - ST
Ngày 29 tháng 01 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Minh Biên**

2. Bà **Nông Thị Thúy**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Lý Hồng Hạnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2017/TLST- HS ngày 30 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2018/QĐXXST - HS ngày 15 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Linh Văn K** - Sinh ngày 09/9/1983 tại xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Lái xe; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Linh Quang V và bà Nguyễn Thị N; Có vợ là Sầm Thị X và 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt để tạm giam ngày 30/10/2017, hiện đang bị tạm giam. (Có mặt).

- Bị hại: Chị **Sầm Thị X**, sinh năm 1993; Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh **Nguyễn Văn C** - Sinh năm: 1984. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Chị **Lương Thị O** - Sinh năm 1989. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh C, chị O cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Ông **Nguyễn Đình P** - Sinh năm: 1957. (Có mặt).
2. Bà **Chu Thị D** - Sinh năm 1958. (Vắng mặt không lý do).
3. Chị **Đào Thị T** - Sinh năm 1978. (Có mặt).

Ông P, bà D, chị T cùng địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang.

4. Chị **Triệu Thị M** - Sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 23/3/2017, Linh Văn K nhận được điện thoại của Lương Thị O nói Sầm Thị X (vợ K) có quan hệ bất chính với Nguyễn Văn C (*chồng của O*). Khoảng 13 giờ cùng ngày O và K hẹn gặp nhau ở thôn D, xã V1, huyện V thống nhất đến tối đi rình nếu thấy C và X có quan hệ tình cảm (*quan hệ tình dục*) thì sẽ bắt quả tang để làm căn cứ giải quyết về sau. Khoảng 19 giờ cùng ngày, K và O cùng nhau đứng nấp ở cạnh đường đợi X đi làm về. Khoảng 21 giờ cùng ngày X về, K và O đi theo sau. Khi X về đến nhà, K gọi điện thoại cho X bảo X sang nhà C lấy hộ K chiếc ví do K để quên từ trước. X đi sang nhà C thì gặp C đi ăn cơm ở nhà ông Nguyễn Đình P (*bố đẻ của C*) về. Sau đó cả hai cùng tìm ví nhưng không thấy. C bảo X đợi C sang nhà ông P mượn xe mô tô đi có việc riêng. C lấy xe mô tô ở nhà ông P đi được khoảng 200m rồi để xe mô tô ở cạnh đường và đi bộ về nhà. Về đến nhà, C và X cùng nhau ra góc sân nhà bếp đứng ôm hôn nhau. Về phía K và O, sau khi thấy X sang nhà C lấy ví thì K đã nhổ 01 chiếc cọc rào bằng tre dài 1,03m, đường kính 5cm, trên gậy có nhiều mấu, một đầu vát nhọn, một đầu bằng ở bờ ao nhà ông Nguyễn Đình P. Sau đó hai người chia nhau đi rình mỗi người một hướng. K rình ở phía gần chuồng lợn, O rình ở phía gần bếp nhà C. Khi ra phía bếp nhà C, O thấy có 01 đoạn gậy gỗ dài 83cm, đường vanh 10cm, O nhặt gậy cầm theo. C và X ôm hôn nhau được khoảng 10 phút thì O chạy ra, tay trái của O giữ tay phải của X, còn tay phải O cầm gậy dơ lên vụt liên tiếp 04 - 05 phát vào vùng đùi trái của X. Lúc này K cũng lao vào, tay phải cầm gậy tre vụt 01 phát từ trên xuống dưới, từ sau ra trước trúng vào vùng đỉnh đầu của C, C bỏ chạy thì K dùng gậy vụt tiếp 01 phát từ phải qua trái trúng vào vùng lưng phải làm C ngồi xuống. X bị O đánh thì bỏ chạy, thấy vậy K đuổi theo, tay phải cầm gậy tre vụt 01 phát từ trên xuống dưới, từ sau ra trước trúng vào đầu X, X tiếp tục bỏ chạy thì K đuổi theo dùng gậy tre vụt tiếp 02 phát vào cẳng chân trái của X làm X ngất đi. Sau đó, mọi người đến can ngăn nên K không đánh nữa. Hậu quả X và C bị thương phải đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa huyện V. Đến ngày 27/3/2017, C ra viện. Do vết thương nặng nên ngày 27/3/2017, X chuyển đến Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang để điều trị. Đến ngày 31/3/2017, X ra viện.

Tại Bản kết luận giám định pháp y thương tích số 47/TgT, ngày 06/6/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Hà Giang kết luận: Tỷ lệ phần trăm cho từng tổn thương cơ thể như sau: Tụ máu nhu mô não đã điều trị không để lại di chứng thần kinh là 21%; Sẹo 1, sẹo 2 là sẹo phần mềm, không ảnh hưởng đến thẩm mỹ là 1%. Tại thời điểm giám định tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với Sầm Thị X là 22%. Kết luận khác: Đoạn tre do Cơ quan CSĐT Công an huyện V cung cấp là hung khí có thể gây ra các thương tích trên cơ thể của Sầm Thị X. Đoạn gây gỗ do Cơ quan CSĐT Công an huyện V cung cấp không phù hợp để gây ra thương tích trên cơ thể của Sầm Thị X.

Từ căn cứ trên, cáo trạng số 31/CT-VKS, ngày 29 tháng 11 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Linh Văn K về tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo khai khi nghe O nói vợ mình quan hệ bất chính với C, bị cáo đã về cùng O bàn bạc việc bắt quả tang để làm căn cứ giải quyết về sau. Bị cáo nhờ 01 chiếc cọc tre với mục đích nếu thấy X ngoại tình với C thì sẽ đánh để răn đe cả hai không được tiếp tục tái diễn. Khi trực tiếp chứng kiến vợ mình ôm hôn C, bị cáo bị kích động về tinh thần nhưng vẫn đủ bình tĩnh đợi đến khi hai người có quan hệ tình dục sẽ bắt quả tang. Tuy nhiên, do O lao ra đánh X trước, C đập O cho X bỏ chạy thì bị cáo mới lao ra đánh C, X, không cho C và X chạy thoát. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, lời khai của những người làm chứng, kết luận giám định pháp y, biên bản hiện trường, sơ đồ và bản ảnh hiện trường, biên bản và bản ảnh thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Sầm Thị X có ý kiến: Yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại do sức khỏe bị xâm phạm gồm các khoản: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe; thu nhập thực tế bị mất; thu nhập thực tế của người chăm sóc; khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần. Tổng cộng tất cả các khoản trên là 8.000.000đ. Trước khi mở phiên tòa, anh Linh Văn H (anh trai bị cáo) đã thay mặt bị cáo trả trước cho chị số tiền 1.000.000đ. Nay chị yêu cầu bị cáo có trách nhiệm bồi thường nốt số tiền 7.000.000đ còn lại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, như ý kiến trong đơn yêu cầu đã nộp tại phiên tòa. Đối với việc Lương Thị O dùng gậy vút chích mấy phát vào vùng đùi trái, chỉ gây bầm tím nhưng không để lại phần trăm thương tích nên chị không yêu cầu xử lý đối với O, không yêu cầu O phải bồi thường gì.

Bị cáo nhất trí với mức bồi thường mà bị hại yêu cầu, do hiện nay bị cáo đang bị tạm giam nên chỉ có thể nhờ anh trai (Linh Văn H) thay mặt mình bồi thường trước cho bị hại một phần; số tiền 7.000.000đ còn lại bị cáo sẽ bồi thường sau cho chị X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: Ngày 23/3/2017, C bị K dùng gậy tre vút 01 phát vào

vùng đỉnh đầu, 01 phát vào vùng lưng khiến C phải nhập viện điều trị. Tuy nhiên, do thương tích không đáng kể nên C đã viết đơn xin từ chối giám định và không yêu cầu K phải bồi thường gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Lương Thị O vắng mặt tại phiên tòa nhưng các lời khai có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trong đơn xin xét xử vắng mặt thể hiện: Khi thấy X và chồng mình ôm hôn nhau thì chị bột phát dùng gậy lao ra vụt X mấy phát vào vùng đùi trái của X, không có bàn bạc gì với K. Do thương tích không đáng kể nên chị X không yêu cầu chị phải bồi thường gì.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyền công tố tại phiên tòa có quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Linh Văn K phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); các điểm b, đ, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Linh Văn K từ 20 đến 24 tháng tù. * *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 584; Điều 585; Điều 590 của Bộ luật dân sự, buộc bị cáo K phải bồi thường cho bị hại Sầm Thị X số tiền còn lại là: 7.000.000đ. * *Về vật chứng vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn gậy tre; 01 đoạn gậy gỗ; 01 con dao tông. Ngoài ra, bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được rằng việc cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 23/3/2017, tại Thôn C, xã T, huyện V, tỉnh Hà Giang), Linh Văn K đã có hành vi dùng cọc rào bằng tre dài 1,03m, đường kính 5cm (là hung khí nguy hiểm) vụt 01 phát vào vùng đầu, 02 phát vào cẳng chân trái chị Sầm Thị X, gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ sức khỏe bị tổn hại là 22%. Từ những căn cứ trên, cần chấp nhận toàn bộ quan điểm luận tội của Kiểm sát viên, chấp nhận nội dung bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 29/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V và có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm vào tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a, Dùng hung khí nguy hiểm ...;

...

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

[2] Hành vi cố ý gây thương tích của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền được bảo vệ về sức khỏe của người khác, là khách thể được luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng. Do vậy, cần buộc bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm do hành vi phạm tội của mình đã gây ra, đảm bảo mục đích răn đe riêng và phòng ngừa chung.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước thời điểm Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật (0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2018) nhưng đến ngày 29/01/2018 mới bị đưa ra xét xử. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 thì cần áp dụng khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (có khung hình phạt từ 02 năm đến 06 năm tù, thấp hơn so với khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 1999) khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[4] Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã tác động tích cực để gia đình thay mặt mình thương lượng, thỏa thuận và bồi thường một phần cho bị hại. Hơn nữa, nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo là do nạn nhân (vợ bị cáo) có quan hệ bất chính với người khác, bị cáo là người trực tiếp chứng kiến việc đó nên dẫn đến trạng thái tinh thần bị kích động. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Ngoài ra, trong vụ án này bị hại cũng là người có lỗi khi vi phạm nghĩa vụ chung thủy của người vợ; bị hại nhận thức được hành vi sai trái của mình và đã có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, đ, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tại trại giam trong một thời gian nhất định mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, sống biết tuân thủ pháp luật.

[6] Tuy nhiên, hiện nay hoàn cảnh gia đình bị cáo hết sức khó khăn. Sau khi sự việc xảy ra, vợ bị cáo bỏ về sống tại nhà bố mẹ đẻ, để lại hai con nhỏ cho bố mẹ bị cáo chăm sóc. Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 nên Hội đồng xét xử đồng thuận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999 để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo; thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, tạo điều kiện cho bị cáo sớm trở về chăm sóc, giáo dục hai con nhỏ.

[7] Đối với Nguyễn Văn C, ngày 23/3/2017 đã bị K gây thương tích phải nhập viện để điều trị. Ngày 01/9/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định để xác định phần trăm tổn hại sức khỏe. Ngày 03/9/2017 Nguyễn Văn C đã viết đơn xin từ chối giám định nên không xác định được tỷ lệ phần trăm thương tích. Quá trình điều tra, C không yêu cầu K phải bồi thường gì. Do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V không xem xét giải quyết là hợp lý.

[8] Đối với Lương Thị O, ngày 23/3/2017 đã có hành vi dùng 01 đoạn gậy gỗ vọt 04 - 05 phát vào vùng đùi trái của X. Khi đánh X, O không bàn bạc hay thống nhất với K mà chỉ do ghen tuông, bột phát. Do vết thương O gây cho X nhẹ không để lại phần trăm thương tích nên X không đề nghị cơ quan chức năng giải quyết và cũng không yêu cầu O phải bồi thường gì. Ngày 13/11/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện V đã ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 111/QĐ-XPHC đối với Lương Thị O về hành vi đánh nhau với mức xử phạt là 750.000đ. Xét việc xử lý như trên là đúng nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người bị hại đã thống nhất được mức bồi thường là 8.000.000đ, gia đình bị cáo đã trả trước cho bị cáo số tiền 1.000.000đ; bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục trả số tiền còn lại là 7.000.000đ. Xét yêu cầu của bị hại phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999; các điều 584, 585 và 590 của Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận.

[10] Về vật chứng: Đối với các vật chứng gồm: 01 đoạn gậy tre là công cụ, phương tiện phạm tội; 01 đoạn gậy gỗ ; 01 con dao tông hiện không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

[11] Về án phí: Cần buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[12] Về tố tụng: Quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện V đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

[13] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 104; các điểm b, đ, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 134 của Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999; các điều 584, 585 và 590 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; các điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Căn cứ vào Điều 331 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015,

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Linh Văn K** phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Hình phạt: Xử phạt bị cáo Linh Văn K 20 (hai mươi) tháng tù, thời hạn tù kể từ ngày bị cáo bị bắt để tạm giam (ngày 30/10/2017).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo K phải bồi thường thiệt hại do xâm phạm về sức khỏe cho bị hại Sầm Thị X số tiền còn lại là: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015

4. Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy: 01 đoạn gậy tre dài 1,03m, đường kính 5cm, một đầu bằng, một đầu vát nhọn, trên gậy có nhiều mấu; 01 đoạn gậy gỗ dài 83cm, đường vanh 10cm; 01 con dao tông bằng kim loại, dài 29,5cm, phần lưỡi dao rộng nhất 6,5cm, chuôi dao dài 10,5cm.

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản lập hồ 10 giờ 00 phút ngày 30/11/2017 giữa Công an huyện V và Chi cục Thi hành án dân sự huyện V).

5. Án phí: Buộc bị cáo Linh Văn K phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 350.000đ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng bị cáo phải chịu 550.000đ (Năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

7. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./*

Nơi nhận:

- VKSND huyện V;
- VKSND tỉnh;
- TAND tỉnh;
- CQĐT Công an huyện V;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện V;
- CQTHAHS Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở tư pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án, hsthahs, vp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Đàm